TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2019
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Ngọc Lưỡng –** Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 605/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim H,** sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Trần Quốc L,** sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2018 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Kim H trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Trần Quốc L do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 21 tháng 7 năm 2004. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình anh L tại

ấp Thái Bình, xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2017 chị sống tại chợ ấp Thái Bình, xã Thanh Bình để buôn bán cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh L không lo làm ăn, chị đã khuyên anh nhiều lần nhưng anh không sửa đổi, vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh L vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc L.

- *Về con chung:* Có ba con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2004, Trần Quốc K, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2008 và Trần Quốc C, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2012 hiện đang sống với anh L. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao cháu N và cháu K cho anh L nuôi dưỡng, chị đồng ý nuôi cháu C không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Theo biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 01 năm 2019 bị đơn anh Trần Quốc L trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Lê Thị Kim H do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình anh tại ấp Thái Bình, xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2017 chị H tách hộ khẩu ra riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có cãi vã về vấn đề tiền bạc và do anh ghen tuông, mỗi lần cãi vã chị H bỏ đi vài ngày sau đó trở về. Anh và chị H vẫn sống chung nhà.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Có ba con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2004, Trần Quốc K, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2008 và Trần Quốc C, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2012 hiện đang sống với anh L. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý nuôi cháu N và cháu K, giao cháu C cho chị H nuôi dưỡng không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 24 tháng 12 năm 2018 cháu Trần Thị Bảo N, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2004 trình bày:*** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 24 tháng 12 năm 2018 cháu Trần Quốc K, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2008 trình bày:*** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: 01 bảng khai ý kiến ngày 19 tháng 02 năm 2019 bản gốc, 02 bảng khai ý kiến của cháu N và cháu K bản gốc, 02 giấy khai sinh, 01 trích lục khai sinh, 01 giấy chứng nhận kết hôn, 01 đơn đề nghị xác nhận nơi cư trú.

Bị đơn anh Trần Quốc L không đến tham gia tố tụng tại tòa án nên anh L không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm phát biểu quan điểm: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án, từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục.

Hướng giải quyết vụ án: áp dụng Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Kim H được ly hôn với anh Trần Quốc L.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2004 và Trần Quốc K, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2008 cho anh L nuôi dưỡng, giao cháu Trần Quốc C, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2012 cho chị H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các khoản nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình: Buộc chị H chịu tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử anh Trần Quốc L cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, anh L biết chị H yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim H và anh Trần Quốc L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21 tháng 7 năm 2004. Theo lời trình bày của chị H thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do do anh L không lo làm ăn, chị đã khuyên anh nhiều lần nhưng anh không sửa đổi, vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Theo anh L trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có cãi vã về vấn đề tiền bạc và do anh ghen tuông, mỗi lần cãi vã chị H bỏ đi vài ngày sau đó trở về. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh không đồng ý nhưng anh không tìm ra được phương pháp để khắc phục hàn gắn. Hôn nhân là sự tự nguyện của hai người nhưng chị H kiên quyết ly hôn với anh L, chị cho rằng giữa chị và anh L không còn tình cảm vợ chồng, không thể sống chung có hạnh phúc được.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu ly hôn với anh L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với yêu cầu của anh L không đồng ý ly hôn với chị H nhưng từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thì anh L không có phương thức nào để vợ chồng đoàn tụ được nên việc anh yêu cầu đoàn tụ là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Con chung: Chị Lê Thị Kim H và anh Trần Quốc L thống nhất xác định giao con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2004 và Trần Quốc K, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2008 cho anh L nuôi dưỡng, giao cháu Trần Quốc C, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2012 cho chị H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung: Chị Lê Thị Kim H và anh Trần Quốc L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Lê Thị Kim H và anh Trần Quốc L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Kim H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kim H.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Kim H được ly hôn với anh Trần Quốc L.

[2] Con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Lê Thị Kim H và anh Trần Quốc L. Giao cháu Trần Thị Bảo N, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2004 và Trần Quốc K, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2008 cho anh L nuôi dưỡng, giao cháu Trần Quốc C, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2012 cho chị H nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Kim H và anh Trần Quốc L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Kim H và anh Trần Quốc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Lê Thị Kim H và anh Trần Quốc L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Lê Thị Kim H và anh Trần Quốc L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Kim H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0009499 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Huỳnh Văn Vui